TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Tuyết Mai.

+ Ông Đặng Hữu Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: không tham gia.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2018/TLST-ST ngày 29 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Võ Thị T, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Võ Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do ông Nguyễn Văn H có hành vi bạo hành gia đình. Nhận thấy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không hòa giải hàn gắn được được, tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về quan hệ con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Bá T, sinh năm 1993, Nguyễn Bá N, sinh năm 1995, Nguyễn Thị N, sinh năm 1997 đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản khai ngày 23 tháng 4 năm 2018 và quá trình tố tụng, bị đơn Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà Võ Thị T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1991, không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2017 mâu thuẫn phát sinh do xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Ông đồng ý ly hôn với bà Võ Thị T.

Về quan hệ con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Bá T, sinh năm 1993, Nguyễn Bá N, sinh năm 1995, Nguyễn Thị N, sinh năm 1997 đã thành niên.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bà Võ Thị T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản khai của nguyên đơn ngày 27/3/2018; Giấy khai sinh của các con chung; Giấy chứng minh nhân dân của Võ Thị T; sổ hộ khẩu thường trú của Võ Thị T; Giấy xác nhận về việc đăng ký kết hôn. Ông Nguyễn Văn H giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Lời khai ngày 23/4/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Văn H có hành vi bạo hành đối với bà Võ Thị T, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đầu năm 2017. Hai bên nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên thuận tình ly hôn.

Xét thấy, quan hệ sống chung như vợ chồng giữa bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn H xác lập từ năm 1991, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, sau khi Luật hôn nhân và gia đình số 22/2000/QH10 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 có hiệu lực thi hành, dù đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn H cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do vậy quan hệ sống chung của hai bên không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Căn cứ Điều 14, Điều 53, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình

số 52/2014/QH13, Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[2]. Về quan hệ con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Bá T, sinh năm 1993, Nguyễn Bá N, sinh năm 1995, Nguyễn Thị N, sinh năm 1997 đã thành niên, có khả năng lao động, căn cứ Điều 15, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[3]. Về quan hệ tài sản chung: Bà Võ Thị T không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản chung. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, bà Võ Thị T phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn H là quan hệ vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Các con chung tên Nguyễn Bá T, sinh năm 1993, Nguyễn Bá N, sinh năm 1995, Nguyễn Thị N, sinh năm 1997 đã thành niên.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị T phải chịu 300.000đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0001456 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, như vậy bà T nộp xong án phí.

5. Bà Võ Thị T, ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TXCL;
- THADS TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Lê Huy